UỶ BAN NHÂN DÂN **XÃ HỢP THÀNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 77 /QĐ - UBND	*Hợp Thành, ngày 12 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023

UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ HỢP THÀNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư 343/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính Quy định quản ngân sách và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, Thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 29/12/2023 của HĐND xã Hợp Thành về việc Phân bổ dự toán thu- chi ngân sách xã năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đâu năm 2023 của UBND xã Hợp Thành.

3. Nội dung công khai:

- Công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2023.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

2. Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại bảng tin của UBND xã Hợp Thành, Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh, thông báo cho Đảng ủy và các tổ chức chính trị xã hội.

Điều 2. Giao cho Văn phòng UBND xã, Ban tài chính chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký .

Nơi nhận:
- Đảng uỷ -HĐND;
- Các tổ chức chính trị - xã hội
- Như điều 2;
- Lưu VP, KT

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Ma Quốc Hiếu

THUYẾT MINH
Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách nhà nước Xã Hợp Thành 6 tháng đầu năm 2023

(Kèm theo Quyết định số số: 76 /QĐ-UBND, ngày 11 / 7 /2023 của UBND xã Hợp Thành)

I. Tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2023

Căn cứ Quyết định số 3579/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Uỷ ban nhân dân huyện Phú Lương về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế xã hội huyện Phú Lương năm 2022.

Căn cứ Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Hợp Thành về việc Phân bổ dự toán thu- chi ngân sách xã năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND xã Hợp Thành về việc giao dự toán ngân sách xã năm 2022 xã Hợp Thành;

Kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và dự toán chi ngân sách xã Hợp Thành 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

1. Thu ngân sách

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Tổng thu NSNN trên địa bàn 6 tháng đầu năm: 130 triệu đồng, đạt 43% dự toán huyện; 125% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Thu nhập cá nhân: 47 triệu đồng, đạt 91% dự toán huyện; 130 % so với cùng kỳ.

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 21,3 triệu đồng

- Thuế thu nhập cá nhân: 47,4 triệu đồng đạt 91% dự toán đạt 130% so với cùng kỳ.

- Lệ phí trước bạ: 12,9 triệu đồng đạt 87% dự toán huyện; 150% so với cùng kỳ.

- Thu phí, lệ phí: 8,7 triệu đồng đạt 25% dự toán tỉnh, huyện; 82% so với cùng kỳ.

- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 2,7 triệu đồng đạt 140% dự toán huyện; 112% so với cùng kỳ.

- Thu khác ngân sách: 28,5 triệu đồng đạt 41% dự toán huyện; 84% so với cùng kỳ.

1.2. Thu ngân sách xã

Tổng thu ngân sách xã 6 tháng đầu năm: 4.418 triệu đồng, đạt 92% dự toán HĐND xã giao, 177% so với cùng kỳ bao gồm:

- Các khoản thu ngân sách được hưởng 100%: 37 triệu đồng, đạt 30% dự toán HĐND xã giao, 21% so với cùng kỳ.

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%): 93 triệu đồng, đạt 78% dự toán HĐND xã giao, 143% so với cùng kỳ .

2. Về chi ngân sách xã

Tổng số chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm: 4.466 triệu đồng đạt 93% dự toán huyện giao, bằng 185 % với cùng kỳ.

Trong đó:

- Chi đầu tư xây dựng cơ bản: 918,5 triệu đồng

- Chi thường xuyên: 3.547 triệu đồng, đạt 74% dự toán huyện giao, bằng 147% so với cùng kỳ.

II. Đánh giá chung về tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước và dự toán chi ngân sách xã 6 tháng đầu năm năm 2023

Ngay từ đầu năm UBND xã đã giao dự toán thu ngân sách cho các ngành, đảm bảo sát với tình hình kinh tế của địa phương và có tính khả thi. Lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chuyên môn, đơn vị thực hiện quy trình quản lý thu trên cơ sở các Luật, Pháp lệnh về thuế và các biện pháp thu: thu đúng, thu đủ, thu triệt để các khoản thu vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên một số chỉ tiêu thu còn thấp do điều kiện khách quan, các khoản thu khác phát sinh không nhiều, khoản thu khác cao xong nguồn thu là đột biến và không bền vững.

Tình hình nợ đọng bị kéo dài do nguồn ngân sách địa phương hạn hẹp, cấp vốn giàn trải (có những công trình từ năm 2014), việc huy động nguồn lực đóng góp trong nhân dân chưa kịp thời và chưa dứt điểm. Mặc dù Ban vận động từ các ban ngành địa phương đã cùng chung tay vào cuộc vận động nhưng do điều kiện kinh tế của địa phương còn thấp nhận thức dân trí không đồng đều. Trong thời gian tới địa phương tiếp tục công tác tuyên truyền sâu rộng đến nhân dân trong xã, gắn liền với phong trào thi đua yêu nước và quyền lợi của người dân.

. Công tác chi ngân sách

Trong năm 2023, UBND xã đã điều hành ngân sách an toàn, hiệu quả và đúng mục đích. Thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc các ban, ngành, đoàn thể bám sát dự toán được giao, thực hiện nghiêm các giải pháp điều hành ngân sách ngay từ đầu

năm và các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBND Tỉnh về công tác chi ngân sách để đáp ứng được các nhiệm vụ, kế hoạch đề ra, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ chính sách; Thường xuyên chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát chi trong quá trình chấp hành ngân sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời chi sai, chi vượt chế độ và định mức quy định hiện hành.

Công tác quản lý chi ngân sách được tăng cường, đảm bảo tiết kiệm có hiệu quả, các khoản chi ngân sách được quản lý chặt chẽ trong phạm vi dự toán đã được giao.

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HỢP THÀNH

Biểu số 113/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	ƯỚC TH QUÝ II	SO SÁNH
TỔNG SỐ THU	**4.785.000.000**	**4.418.427.000**	**92%**
1. Các khoản thu xã hưởng 100%	105.000.000	37.219.000	35%
2. Các khoản thu chia theo tỷ lệ %	119.000.000	93.126.000	78%
3. Thu bổ sung	4.543.000.000	4.288.082.000	94%
- Bổ sung có cân đối	4.543.000.000	2.250.000.000	50%
- Bổ sung có mục tiêu	0	2.038.082.000	
4. Thu chuyển nguồn	18.000.000		
TỔNG SỐ CHI	**6.047.000.000**	**4.466.252.989**	74%
1. Chi đầu tư phát triển	1.262.000.000	918.589.200	73%
2. Chi thường xuyên.	4.691.000.000	3.547.663.789	76%
3. Dự phòng tiết kiệm chi	94.000.000		0%

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HỢP THÀNH

Biểu số 114/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	Nội dung	DỰ TOÁN			Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2023			So sánh		
		Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên	Tổng số	XDCB	Thường xuyên
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	Tổng chi	**4.785.000.000**		**4.785.000.000**	**4.466.252.989**	**918.589.200**	**3.547.663.789**	**93%**		**74%**
1	Chi Giáo dục									
2	Chi ứng dụng chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa thông tin									
5	chi phát thanh truyền thanh									
6	Chi thể dục thể thao									
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế									
9	Chi HĐ của cơ quan QLNN , Đảng, đoàn thể	4.597.636.000		4.597.636.000	3.517.794.589		3.517.794.589	**77%**		**77%**
10	Chi công tác xã hội	93.364.000		93.364.000	29.869.200	918.589.200	29.869.200	**32%**		**32%**
11	Chi khác	0		0	0					
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	94.000.000		94.000.000	0					

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HỢP THÀNH

Biểu số 115/CKTC-NSNN

ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

STT	Nội dung	DỰ TOÁN NĂM		Ước TH 6 tháng năm2023		So sánh	
		THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ	THU NSNN	THU NS XÃ
A	B	1	2	4	5	6	7
	Tổng chi	**4.785.000.000**	**4.785.000.000**	**4.418.427.000**	**4.418.427.000**	**92%**	
I	**Các khoản thu 100%**	**123.000.000**	**123.000.000**	**37.219.000**	**37.219.000**	**30%**	
1	Phí lệ phí	35.000.000	35.000.000	8.719.000	8.719.000	*25%*	
	- Phí chứng Thực	*35.000.000*	*35.000.000*	8.719.000	*8.719.000*	*25%*	
	- Phí Môn Bài	*0*	*0*		*0*		
2	Thu từ Quỹ đất công ích và đất công				*0*		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp				*0*		
4	Đóng góp của nhân dân theo quy đinh				*0*		
5	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức			0	*0*		
6	Thu kết dư ngân sách năm trước				*0*		
7	Thu chuyển nguồn sách năm trước	18.000.000	18.000.000	0	*0*		
8	Thu khác	70.000.000	70.000.000	28.500.000	*28.500.000*	*41%*	
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %**	**119.000.000**	**119.000.000**	**93.126.000**	**93.126.000**	*78%*	
1	Thuế thu nhập cá nhân	52.000.000	52.000.000	47.406.000	47.406.000	*91%*	
2	Thuế Ngoài QD	40.000.000	40.000.000	21.352.000	21.352.000	*53%*	
3	Thuế môn bài thu từ cá nhân , hộ KD	10.000.000	10.000.000	8.600.000	8.600.000	*86%*	
4	Thuế SD đất nông nghiệp	2.000.000	2.000.000	2.790.000	2.790.000	*140%*	
5	Lệ phí trước bạ	15.000.000	15.000.000	12.978.000	12.978.000	*87%*	
6	Thuế GTGT		0	0			
III	**Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên**	**4.543.000.000**	**4.543.000.000**	**4.288.082.000**	**4.288.082.000**	**94%**	
1	Thu bổ sung cân đối	4.543.000.000	4.543.000.000	2.250.000.000	2.250.000.000	*50%*	
2	Thu bổ sung có mục tiêu			2.038.082.000	2.038.082.000		